TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM ĐỘNG
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2018/HSST
Ngày: 25-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Trung Dũng.

2. Bà Vũ Thị Liên.

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Văn Quyền là Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kim Động mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST-QĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn H, sinh năm 1996;

Nơi cư trú: thôn L, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 9/12 (tại phiên tòa bị cáo khai 7/12); dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Viết L và con bà: Quách Thị L; tiền án, tiền sự: chưa có; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/01/2018, chuyển tạm giam ngày 05/01/2018, bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ – Công an huyện Kim Động. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại**: Anh Lê Phương T, sinh năm 1997 (Có mặt)

Nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Quách Thị L, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Trú tại: thôn L, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- **Người làm chứng**:

1. Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

2. Anh Trịnh Văn L, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Đều trú tại: thôn L, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3. Chị Lê Thị T, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Trú tại: thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

4. Anh Trần Văn H, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Trú tại: thôn P, xã H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 45 phút ngày 26/02/2017, Phạm Văn H mượn xe mô tô Honda Dream (không có biển số) của anh Trịnh Văn L đi đón anh Trịnh Văn T đến chơi game tại quán nhà chị Lê Thị T . Cả hai đi vào quán game , anh T đi đến chỗ anh L ngồi chơi game nói chuyện và xin thuốc lá của anh L, châm lửa hút rồi đi ra ngoài. H đứng sau quan sát thấy anh Lê Phương T ngồi chơi game cạnh anh L có chiếc điện thoại Iphone 5s màu trắng, H liền nảy sinh ý định chiếm đoạt. H ra cửa quán nói với anh T: Anh vào mượn điện thoại đi. Anh T trả lời : Anh không mượn đâu. Thấy T không đồng ý, H bảo "Anh ở ngoài đợi em" rồi đi vào phía trong của quán mà không nói rõ với anh T là chờ H đi vào trong để làm gì. Anh T cũng chỉ hiểu H bảo ra ngoài để đợi mà không rõ H vào trong để làm gì , Anh T lấy xe mô tô của anh L cho mượn nổ máy đi khỏi cửa quán game ra đường 39A chờ H. Vì có ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại Iphone 5s của anh T, H vào hỏi chuyện làm quen với anh T và giả vờ mượn điện thoại Iphone 5s của anh T để gọi điện, sau khi mượn được điện thoại H giả vờ sử dụng điện thoại một lúc rồi để điện thoại trên bàn trả T và nói : Anh không gọi được..... Một lát sau H lại tiếp tục mượn lại anh T chiếc điện thoại Iphone 5s. H cầm chiếc điện thoại của anh T và vỗ tay lên vai anh T nói : Em ra đây anh nhờ một tý . Thấy anh T vẫn đang mải chơi game không ra , H cầm chiếc điện thoại của anh T ra ngoài đường đến chỗ anh T đang ngồi đợi trên chiếc xe Dream và bảo anh T đi, anh T liền nổ máy và điều khiển chở H đi ra đường 39A theo hướng Hiệp Cường – thành phố Hưng Yên. Một lát sau anh T không nhìn thấy H , đã ra ngoài tìm nhưng không thấy H. Trên đường đi H bảo anh Tú có chỗ nào bán điện thoại không , anh T hỏi : Điện thoại của ai đó . H trả lời : Em vừa mượn được điện thoại của người quen , nó đồng ý cho em cắm tạm vài hôm. Anh T chở H đến quán của anh Trần Văn H ở thôn, xã H, thành phố Hưng Yên cầm cố điện thoại của anh T được 1.800.000 đồng. H đưa cho anh T mượn 1.000.000 đồng, sau đó do không dùng đến số tiền anh T đã trả lại H. H đã tiêu xài cá nhân hết số tiền 1.800.000 đồng. Sau khi phạm tội H bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 25/12/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Động đã ra Quyết định truy nã số 04 đối với H. Trong quá trình bỏ trốn khỏi địa phương H đã thực hiện hành vi phạm tội khác nên bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Long

Biên, Thành phố Hà Nội khởi tố vụ án , khởi tố bị can điều tra về Tội cố ý làm hư hỏng tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 143 Bộ luật Hình sự năm 1999 (dưới đây viết tắt: BLHS năm 1999). Vụ án đang tiếp tục điều tra theo Quyết định trả điều tra bổ sung số 05/2018/HSST-QĐ ngày 20/4/2018 của Tòa án nhân dân (dưới đây viết tắt : TAND) quận Long Biên. Ngày 27/12/2017, H bị TAND quận Long Biên Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc . Ngày 02/01/2018 H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Động bắt truy nã khi đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 6 Hà Nội. H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Kết luận giám định số 2512/C54-P6 ngày 17/7/2018 của Viện Khoa học hình sự bộ Công an kết luận: Hình ảnh trong tệp video gửi giám định không bị cắt ghép, chỉnh sửa.

Kết luận định giá tài sản số 05/HĐĐG-KL ngày 02/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Kim Động kết luận: Giá trị của chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 5s màu trắng của anh T là 3.600.000 đồng.

Về vật chứng: Anh H đã bán chiếc điện thoại Iphone 5s cho một người không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể được 2.000.000 đồng nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với chiếc xe mô tô Honda Dream H mượn của anh L, anh L khai chiếc xe do anh L mượn của anh Nguyễn Văn V , sinh năm 1967, ở thôn L, xã H, huyện K sau đó tháo biển số để trong cốp xe . Anh V khẳng định không cho anh L mượn chiếc xe mô tô trên nên không đủ căn cứ truy tìm, quản lý chiếc xe mô tô.

Về trách nhiệm dân sự : Mẹ đẻ của H là bà Quách Thị L đã dùng số tiền 5.000.000 đồng của H đưa cho trước khi bị bắt để bồi thường cho anh T . Anh T đã nhận tiền, không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự và đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với H.

Đối với Trịnh Văn T xác định không biết anh T có chiếc điện thoại để ở vị trí nào, khi H và anh T đứng bên ngoài lán xe H có bảo anh T "Anh vào mượn điện thoại đi" nhưng anh T không đồng ý, sau đó H bảo anh T đi ra ngoài đợi và H đi vào trong quán mà không nói rõ lý do đi vào làm gì . Anh T chỉ nghĩ H vào trong quán làm việc gì đó và bảo anh T chờ nên đứng chờ bên ngoài . Anh T không biết H đã dùng cách thức, thủ đoạn gì để có điện thoại. H chỉ nói chiếc điện thoại của bạn H cho mượn để cắm lấy tiền tiêu xài tạm vài hôm mà không biết việc H đã lừa đảo chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh T nên đã chở H đi cắm điện thoại . H đưa cho anh T mượn 1.000.000 đồng nhưng sau đó anh T trả lại ngay cho H. Vì vậy, chưa đủ căn cứ chứng minh được hành vi của anh T là đồng phạm trong vụ án nên không đủ căn cứ xử lý anh T.

Đối với Trịnh Văn L cho H mượn xe mô tô nhưng không biết trước được việc H dùng vào mục đích phạm tội nên không đủ căn cứ xử lý anh L.

Đối với Trần Văn H, khi nhận cắm chiếc điện thoại Iphone 5s, H không nói rõ nguồn gốc điện thoại, anh H không biết chiếc điện thoại là do phạm tội mà có nên không đủ căn cứ để xử lý anh H về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Tại Bản cáo trạng số 30/CT-VKSKĐ ngày 28/5/2018,Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động truy tố Phạm Văn H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Người bị hại là anh Lê Phương T trình bày: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là đúng. Lời khai của anh tại Cơ quan điều tra là chưa đúng, vì lúc bị mất tài sản anh không bình tĩnh nên không nhớ hết sự việc. Nay anh xác định bị cáo có hỏi anh mượn điện thoại, anh đồng ý và đưa điện thoại cho bị cáo hai lần, mượn lần thứ nhất bị cáo trả điện thoại lại cho anh, lúc sau bị cáo lại tiếp tục mượn anh điện thoại, trong lúc anh mải chơi game bị cáo đi đâu anh không biết, khi anh chạy ra ngoài tìm bị cáo để đòi điện thoại thì không thấy đâu nữa. Anh đã nhận số tiền 5.000.000 đồng do bà L mẹ của bị cáo bồi thường thiệt hại cho anh. Anh không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự, anh xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận: Khi bị cáo và anh T vào chơi game tại quán nhà chị T, bị cáo nhìn thấy anh T đang chơi điện tử có điện thoại Iphone 5s màu trắng để trên bàn bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại. Lúc đầu bị cáo bảo anh T mượn chiếc điện thoại nhưng anh T không đồng ý. Bị cáo bảo anh T đợi bị cáo ở ngoài nhưng bị cáo không nói với anh T về việc mình có ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh T và vào trong quán để làm gì. Bị cáo vào chỗ anh T giả vờ mượn điện thoại để gọi điện, anh T đưa điện thoại cho bị cáo, bị cáo giả vờ bấm số để gọi sau đó bảo với anh T là gọi không liên lạc được và để trả điện thoại trên mặt bàn chỗ anh T ngồi. Một lúc sau bị cáo lại tiếp tục vào hỏi mượn anh T điện thoại, bị cáo cầm điện thoại lên vào nói với anh T "ra ngoài anh bảo" thấy anh T mải chơi game không đứng dậy nên bị cáo cầm điện thoại đi ra chỗ anh T đang đứng đợi ngoài đường 39A (trước cửa quán). Bị cáo bảo anh T chở bị cáo đi chơi, anh T chở bị cáo đi theo hướng thành phố Hưng Yên. Trên đường đi bị cáo có bảo anh T tìm chỗ bán điện thoại, anh T có hỏi bị cáo về chiếc điện thoại, bị cáo nói là bạn cho mượn để cắm, anh T đồng ý và chở bị cáo đến cửa hàng điện thoại của anh H ở xã H, thành phố Hưng Yên, bị cáo bán được 1.800.000 đồng, bị cáo đưa cho anh T 1.000.000 đồng, một lúc sau anh T trả lại toàn bộ số tiền này cho bị cáo. Trước khi bị bắt bị cáo có nhờ mẹ bị cáo là bà L lấy 5.000.000 đồng bị cáo gửi trước đó bồi thường trả cho anh T. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung của bị cáo; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án (BL: 28, 23-25, 44, 46- 51, 59-62, 104, 113-122, 124-132). Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội

"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuyên bố: Phạm Văn H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ". Xử phạt: bị cáo Phạm Văn H từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày tạm giữ 02/01/2018.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án , căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án , đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên , Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền , trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi , quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi , quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng , người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo : Khoảng 07 giờ 45 ngày 26/02/2017, Phạm Văn H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại Iphone 5s màu trắng trị giá 3.600.000 đồng của anh Lê Phương T . H bảo anh T vào mượn chiếc điện thoại của anh T nhưng anh T không mượn. H bảo anh T đứng ngoài đợi nhưng không nói cho anh T biết ý định của mình vào trong quán làm gì. Một mình H vào giả vờ mượn điện thoại của anh T để gọi nhờ điện thoại và lại trả lại anh T , lúc sau H lại tiếp tục mượn điện thoại của anh T , H tay cầm điện thoại của anh T , tay vỗ vai anh T bảo ra ngoài nhờ tí việc, do mải chơi điện tử anh T không đứng dậy, H đã cầm điện thoại của anh T đi thẳng ra ngoài cửa chỗ anh T đợi, H bảo anh T chở đi chơi, anh T chở H đi thành phố Hưng Yên chơi. Trên đường đi H bảo anh T tìm cửa hàng điện thoại để cầm cố điện thoại, anh T chở đến cửa hàng điện thoại của H , H đã cầm cố chiếc điện thoại của anh T được 1.800.000 đồng, H đưa cho anh T mượn 1.000.000 đồng, sau đó anh T trả lại, H đã tiêu xài cá nhân hết. Do đó, H đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được q uy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi , bổ sung năm 2009 (sau đây viết tắt : Bộ luật hình sự năm 1999). Đối chiếu quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự có khung hình phạt ngang bằng nhau . Viện kiểm sát nhân dân huyện

Kim Động truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

- Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nhưng lười lao động nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của anh T. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, thể hiện sự coi thường pháp luật gây lo lắng, bất bình trong nhân dân và mất trật tự trị an tại địa phương.

+ Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự : Người phạm tội tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại , phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Đối chiếu điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 thì ngang bằng nhau nên áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo. Vì vậy, phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo thành người lương thiện và răn đe kẻ khác.

- Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Bà Quách Thị L đã bồi thường cho anh T số tiền là 5.000.000 đồng thay cho bị cáo, bà L và bị cáo đều xác định số tiền này là của bị cáo và bị cáo nh ờ bà L bồi thường trả cho anh T . Anh T đã nhận được tiền bồi thường , không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên không đặt ra giải quyết

[4]. Về án phí: Áp điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án . Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Đối với Trịnh Văn T xác định không biết anh T có chiếc điện thoại để ở vị trí nào, khi H và anh T đứng bên ngoài lán xe H có bảo anh T vào mượn điện thoại nhưng anh T không đồng ý , sau đó H bảo anh T đi ra ngoài đợi và H đi vào trong quán mà không nói rõ lý do đi vào làm gì. Anh T chỉ nghĩ H vào trong quán làm việc gì đó và bảo anh T chờ nên đứng chờ bên ngoài . Anh T không biết H đã dùng cách thức, thủ đoạn gì để có điện thoại . Anh T xác định: khi H bảo anh T chở đi thì H chỉ nói chiếc điện thoại của bạn H cho mượn để cắm lấy tiền tiêu xài tạm vài hôm mà không biết việc H đã lừa đảo chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh T nên đã chở H đi cắm điện thoại . H đưa cho anh T mượn 1.000.000 đồng nhưng sau đó anh T trả lại

ngay cho H . Do vậy, chưa đủ căn cứ để xác định hành vi của anh T là đồng phạm hoặc hành vi vi phạm pháp luật khác nên không xử lý anh T là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Trịnh Văn L cho H mượn xe mô tô nhưng không biết trước được việc H dùng xe vào mục đích phạm tội . Do vậy, không xử lý anh L là đúng quy định của pháp luật .

Đối với Trần Văn H , khi nhận cắm chiếc điện thoại Iphone 5s, H không nói rõ nguồn gốc điện thoại , anh H không biết chiếc điện thoại là do phạm tội mà có nên không đủ căn cứ để xử lý anh H về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Do vậy, không xử lý anh L là đúng quy định của pháp luật .

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Phạm Văn H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 01 (một) năm tù , thời hạn tính từ ngày tạm giữ 02/01/2018.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Áp điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử d ụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại ; người có quyền l ợi, nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, người có mặt được tính kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND xã (thị trấn) nơi người vắng mặt cư trú.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA Toà án tỉnh.
- VKSND huyện Kim Động.
- CA huyện Kim Động.
- Bị cáo.
- Người bị hại.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Hưng Yên.
- THADS huyện Kim Động.
- Sở tư pháp.
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Oanh